

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/DS-PT
Ngày 20-5-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ a, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Như H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số a (số mới b), đường Đ, khu phố a, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số a, đường L, tổ a, khu a, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị T, địa chỉ: Số a (số mới b), đường Đ, khu phố a, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số a, đường L, tổ a, khu a, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021), có mặt.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T; địa chỉ: Số a, đường N, Phường a, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Bùi Như H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T là chủ sử dụng quyền sử dụng đất với diện tích 187m², thuộc thửa số 175 (nay là thửa 1245), thửa số 251 (nay là thửa 1246) và thửa số 252 (nay là thửa 1247), tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y242595, số vào sổ 00633/QSĐĐ/H do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 17/9/2003 cho ông Nguyễn Văn T, do điều kiện ở xa và không trực tiếp sinh sống tại phần đất trên nên ông Bùi Như H là chủ sử dụng đất liền kề đã xây dựng công trình nhà trọ lấn sang đất của ông T với diện tích khoảng 36m². Nay qua đo đạc thực tế, diện tích ông Bùi Như H lấn chiếm là 30,8m². Do đó, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Như H và bà Lương Thị T phải tháo dỡ công trình là nhà trọ trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích 30,8m² cho ông Nguyễn Văn T.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y242595, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 17/9/2003 cho ông Nguyễn Văn T (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH348937 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/4/2017 cho ông Bùi Như H (bản photo); Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường P (bản photo).

- *Bị đơn ông Bùi Như H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị T (vợ ông H):*

Quá trình tố tụng, bị đơn ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T trình bày:

Ngày 22/3/2017, giữa ông Nguyễn Văn T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T có ký Hợp đồng tín dụng số LD1708100842 để vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Ngoài ra, ngày 20/4/2018, ông T tiếp tục vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền 380.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số LD1811000393, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho 02 khoản vay trên là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y242595, số vào sổ 00633/QSDĐ/H với diện tích 187m², thuộc thửa số 175 (nay là thửa 1245), thửa số 251 (nay là thửa 1246) và thửa số 252 (nay là thửa 1247), tờ bản đồ số 11 được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 17/9/2003 cho ông Nguyễn Văn T. Hiện nay, ông T vẫn đang là khách hàng trả nợ đúng hạn, nợ đủ tiêu chuẩn, phù hợp quy định. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T cung cấp chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số LD1708100842 ngày 22/3/2017 và Hợp đồng tín dụng số LD181100039 ngày 20/4/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn T; hồ sơ pháp lý Ngân hàng; giấy ủy quyền và đơn xin vắng mặt.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Bùi Như H.

Ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 30,8m² thuộc thửa số 252 (nay là thửa 1247), tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y242595, số vào sổ 00633/QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 17/9/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Bùi Như H và bà Lương Thị T có trách nhiệm tháo dỡ phần nhà có kết cấu: Tường gạch xây tô cao 2,3m, bên trên tường là vách tôn cao 2,7m, nền gạch men, có gác, mái tôn gắn liền trên phần diện tích đất 30,8m² để giao trả diện tích đất 30,8m² cho ông Nguyễn Văn T.

Đất có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp bà Dương Thị H;
- Hướng Nam giáp ông Hoàng Thanh H;
- Hướng Đông giáp ông Nguyễn Văn T;
- Hướng Tây giáp ông Bùi Như H.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH348937, số vào sổ CS10450, diện tích 337m² thuộc thửa số 1658, tờ bản đồ số 11-1 đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/4/2017 cho ông Bùi Như H để điều chỉnh cấp lại cho phù hợp với hiện trạng và nội dung quyết định tại bản án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/10/2020, bị đơn ông Bùi Như H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 30,8m² thuộc thửa số 175, tờ bản đồ 11 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00633/QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 17/9/2003. Trong hồ sơ không thể hiện nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tranh chấp đối với phần đất thuộc thửa số 252, tờ bản đồ 11. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại diện tích đất 30,8m² thuộc thửa 252, tờ bản đồ 11 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện nguồn gốc đất của nguyên đơn do nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn C và bà Dương Thị H vào năm 2003, nguồn gốc đất của ông H nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn C vào năm 2017. Khi ông H nhận chuyển nhượng từ ông C thì theo sơ đồ khu đất, kiểm tra đo đạc thực tế ngày 23/7/2012 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thể hiện ranh giới có số liệu cụ thể, trên phần đất tranh chấp theo nguyên đơn có căn ki ốt do bị đơn xây dựng năm 2017, bị đơn cho rằng ki ốt do ông C xây dựng trước khi chuyển nhượng cho bị đơn; diện tích đất nguyên đơn nếu tính luôn phần diện tích tranh chấp là 191,3m² là tăng 4,3m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, trong khi đất bị đơn tính luôn phần tranh chấp là 293,9m² là giảm 43,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn được cấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lê Văn C vào tham gia tố tụng để xác định rõ vị trí, diện tích, hiện trạng chuyển nhượng cho ông T, ông H vì theo chứng cứ thể hiện có sự chồng lấn giữa đất ông T và đất ông H.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự; điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế là 30,8m² thuộc thửa số 252, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đất của bị đơn khi nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn C có mốc giới rõ ràng và theo Công văn số 54/CNTDM ngày 09/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T xác định đất của bị đơn có diện tích là 337m², bị đơn đã sử dụng đất đúng hiện trạng, đất bị đơn thực tế đang quản lý, sử dụng thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên không có việc bị đơn lấn chiếm đất của nguyên đơn ông T. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Cam và bà Hết vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn.

[3] Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Ngày 04/4/2000, hộ ông Lê Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 13.809m² trong đó có thửa số 251 với diện tích 766m² và thửa số 252 với diện tích 609m², cùng tờ bản đồ 11. Ngày 06/12/2001, ông C chuyển nhượng cho ông Hoàng Thanh H diện tích 810m² (ĐRM) thuộc thửa đất số 251 (nay là thửa 1209), thửa đất số 252 (nay là thửa 12101), thửa đất số 253 (nay là thửa 1211), thửa đất số 254 (nay là thửa 1212), tờ bản đồ 11, diện tích còn lại 12.999m². Ngày 29/5/2003, ông C chuyển nhượng cho Lê Thị C diện tích 150m² thuộc thửa đất số 169 (nay là thửa 1243); Vũ Thị Thu H diện tích 150m² thửa đất số 169 (nay là thửa 1242), tờ bản đồ 11, diện tích còn lại 12.699m².

Ngày 30/7/2003, ông Lê Văn C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T phần đất có diện tích 103m² (CLN 50m² và HNK 53m²), thuộc các thửa số 251 (nay là thửa 1246), thửa số 252 (nay là thửa 1247) tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại phường P, cùng ngày ông T nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị H phần đất

diện tích 84m² loại đất HNK, thuộc thửa số 175 (nay là thửa 1245), tờ bản đồ số 11. Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T với ông C, bà H được Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P) chứng thực vào ngày 30/7/2003. Ngày 17/9/2003, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T ban hành Quyết định số 3977/QĐ.UB và 3978/QĐ.UB với nội dung chấp thuận hộ ông C, bà H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T. Ngày 17/9/2003, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y242595, số vào sổ 00633 QSDĐ/H với diện tích 187m² trong đó thửa số 175 (nay là thửa 1245) có diện tích 84m², thửa số 251 (nay là thửa 1246) với diện tích 50m² và thửa số 252 (nay là thửa 1247) với diện tích 53m² cho ông Nguyễn Văn T. Đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp đất Dương Thị H có chiều dài 14m + 18m; hướng Nam giáp đất Hoàng Văn H có chiều dài 14m + 17m; hướng Đông giáp đường đất mở rộng có chiều dài 06m; hướng Tây giáp đất Lê Văn C có chiều dài 06m.

Ngày 24/11/2008, ông Lê Văn C được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H46157 đối với diện tích đất 1.860m² thuộc thửa 1352, tờ bản đồ 11; tứ cận đất tại cạnh hướng Đông giáp đất Nguyễn Văn T là 6m. Sau nhiều lần đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lê Văn C được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK499456, số vào sổ CH04965 ngày 21/8/2012 thuộc thửa 1658, tờ bản đồ số 11-1, diện tích 337m² CLN.

Ngày 15/3/2017, ông Nguyễn Đức T là người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị M tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích đất 337m², thuộc thửa 1658, tờ bản đồ số 11-1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK499456, số vào sổ CH04965 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 21/8/2012 cho ông Bùi Như H. Ngày 12/4/2017, ông Bùi Như H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH348937, số vào sổ CS10450 với diện tích 337m² thuộc thửa 1658, tờ bản đồ số 11-1 đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp thửa 172 có chiều dài 22,86m; hướng Nam giáp đất Hoàng Thanh H có chiều dài 28,28m; hướng Đông là 8,80m + 5,97m; hướng Tây giáp lối đi chung tự mở 11,40m.

[4] Như vậy, đất của ông T và ông H đều có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn C, quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn C đối với thửa đất số 1658 và quá trình chuyển nhượng từ ông C, bà M cho ông H không qua đo đạc thực tế để xác định diện tích chuyển nhượng và tứ cận đối với người liên ranh. Đồng thời, đối chiếu với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, ông H với kết quả đo đạc thực tế ngày 22/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T thì đất của nguyên đơn nếu tính diện tích tranh chấp 30,8m² thì có diện tích 191,3m², là tăng 4,3m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, trong khi đất bị đơn tính luôn phần tranh chấp thì có diện tích 293,9m², là giảm 43,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, đồng thời có sự

chồng lẫn giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và ông H. Như vậy, trong vụ án này cần phải đưa ông Lê Văn C bà Nguyễn Thị M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để làm rõ vị trí, diện tích, hiện trạng chuyển nhượng cho ông Tốt, ông Hoàng. Ngoài ra, việc cấp đất cho ông T và ông H có sự chồng lấn nhưng không đưa cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn về việc không đưa bà H vào tham gia tố tụng. Xét thấy, bà H chuyển nhượng đất cho ông T vào năm 2003, quyền và nghĩa vụ giữa hai bên đã hoàn thành, hai bên không tranh chấp, diện tích đất tranh chấp không liên quan đến thửa đất bà H đã chuyển nhượng cho ông T nên không cần đưa bà H vào tham gia tố tụng.

[6] Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu bị đơn trả lại diện tích lấn chiếm là 36m² thuộc thửa đất số 175 nhưng đúng ra là thửa đất số 252, tờ bản đồ 11 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích thửa đất số 252 là có sự nhầm lẫn về số thửa, thiếu sót trong quá trình xem xét, đánh giá bản vẽ không phải giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Như Hoàng.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Bùi Như H không phải nộp. Hoàn trả cho ông Bùi Như H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050677 (do bà Lương Thị T nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết